

Số: 1054/SKHĐT-TTXX

Trà Vinh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

V/v báo cáo sơ kết, đánh giá  
kết quả thực hiện chỉ số PCI  
06 tháng đầu năm 2020

Kính gửi: Thành viên Ban chỉ đạo cải cách hành chính và  
nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo); Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh khắc phục những hạn chế, yếu kém về thực hiện chỉ số PCI năm 2019 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 07/4/2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh về hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2020.

Đến tháng 5/2020, kết quả PCI năm 2019 mới được Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam công bố, do đó đã ảnh hưởng đến công tác xây dựng kế hoạch khắc phục và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh năm 2020. Hiện tại, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Báo cáo phân tích và Kế hoạch khắc phục PCI năm 2020, đã trình UBND tỉnh xem xét ban hành (trên cơ sở đóng góp ý kiến của các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương).

Theo nhiệm vụ được giao, nhằm sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện chỉ số PCI 06 tháng đầu năm 2020 của Ban Chỉ đạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phó Trưởng ban phụ trách chỉ số PCI) đề nghị các thành viên Ban chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị báo cáo sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm và giải pháp triển khai 06 tháng cuối năm 2020.

Đồng thời, để đảm bảo hiệu quả khắc phục và nâng cao chỉ số PCI trong thời gian tới, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã liệt kê 128 chỉ số thành phần trong 10 chỉ số đánh giá PCI. Đề nghị các thành viên Ban chỉ đạo đề xuất đơn vị phụ trách chính đối với từng chỉ số thành phần thuộc chỉ số do đơn vị mình được giao nhiệm vụ chủ trì gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến thống nhất và tham mưu Trưởng Ban chỉ đạo phân công cụ thể (*Đính kèm phụ lục*).

Đề nghị các thành viên Ban Chỉ đạo phối hợp thực hiện và gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư **chậm nhất ngày 12/6/2020** để tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo theo quy định. Các đơn vị vui lòng gửi file mềm theo địa chỉ email: [phanmyskh89@gmail.com](mailto:phanmyskh89@gmail.com), số điện thoại 02943.753 848 – Mỹ).

Sở Kế hoạch và Đầu tư rất mong sự phối hợp của các đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VP, TTXX.





## PHỤ LỤC

### Phân công cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị phụ trách từng chỉ số thành phần PCI

(Kèm Công văn số 1054/SKHĐT-TTXX ngày 08/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Stt	Tên chỉ số	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
<b>I. CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì)</b>				
1.1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)			
1.2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)			
1.3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)			
1.4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)			
1.5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)			
1.6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)			
1.7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)			
1.8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)			
1.9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%)			
1.10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)			
1.11	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)			
<b>II. CHỈ SỐ DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (Sở Công thương chủ trì – đã đề xuất)</b>				
2.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua			
2.2	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)			
2.3	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)			
2.4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)			
2.5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)			
2.6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)			
2.7	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)			
2.8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)			
2.9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL (%)			
2.10	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD) (%)			
2.11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)			
2.12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)			
2.13	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)			
2.14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)			
2.15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)			
2.16	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)			
2.17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)			